TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đàm Thanh Vũ**

Ông **Phan Minh Đức**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thuận Phát** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông **Lý Văn Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị **Trần Minh T**, sinh năm 1995 (Yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: số 19A đường số 7, khu phố 5, P. L, Q. T, Tp. H

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Việt Nam**, sinh năm 1986 (Vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: *Số 70, khóm A, phường b, thị xã X, tỉnh Y.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Minh T trình bày như sau:***

Chị và anh N có tổ chức đám cưới vào ngày 01/01/2015 và sau đó tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 29/4/2016 tại Uỷ ban nhân dân phường B, thị xã X, tỉnh Y.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng kể từ tháng 01/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, từ đó đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng không ai biết. Chị và anh N ly thân từ khoảng tháng 01/2018 cho đến nay.

- Về con chung: chị và anh N sống chung có 01 đứa con gái tên Lê Bảo Ng, sinh ngày 05/10/2016 hiện con đang sống với anh N.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay chị yêu cầu: Ly hôn với anh Lê Việt N, đồng ý để con cho anh N nuôi chị không cấp dưỡng nuôi con, nếu anh N nuôi con không đảm bảo về điều kiện sống cho con chị sẽ thay đổi việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn không yêu cầu.

Bị đơn Lê Việt N: ý kiến trình bày tại đơn yêu cầu ngày 12/12/2018: Anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

* **Phát biểu của kiểm sát viên**:

- Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và tại phiên tòa HĐXX sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh N sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được UBND phường B, thị xã X, tỉnh Y cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xem đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị sống chung đầm ấm hạnh phúc, nhưng thời gian sau lại phát sinh mâu thuẫn nên chị T đã nộp đơn xin ly hôn, sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng đã tiến hành mời các bên đến Tòa án để hòa giải nhiều lần nhưng anh N cũng không đến tham gia, xét thấy thời gian chị T và anh N không còn sống chung cũng đã lâu, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên cuộc sống hôn nhân của chị T và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn với anh N là có cơ sở đề nghị HĐXX cho chị T ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị T và anh N sống chung có 01 đứa con chung tên Lê Bảo Ng, sinh ngày 05/10/2016, hiện nay cháu đang sống với anh N và ông bà nội. Do chị T cũng đồng ý để cho anh N nuôi con nghĩ nên ghi nhận ý kiến của chị T, đề nghị giao con cho anh N nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn nghĩ nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Minh T và anh Lê Việt N sống chung trên cơ sở tự nguyện đã được Ủy ban nhân dân phường B, thị xã X, tỉnh Y cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đầm ấm hạnh phúc cũng có con chung nhưng thời gian không bao lâu lại phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày nên đã ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay. Vì vậy, chị T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án cũng đã thông báo hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh, chị để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng phía anh N không đến tham dự. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại và mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Trần Minh T được ly hôn với anh Lê Việt N, để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[2.2] Về Con chung: Quá trình chung sống chị T và anh N có được 01 người con chung tên là Lê Bảo Ng, sinh ngày 05/10/2016, hiện nay cháu Ng đang sống chung với anh N. Tại biên bản làm việc ngày 28/12/2018 chị T đồng ý giao con cho anh N nuôi, anh N cũng có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các bên, hơn nữa thời gian bé Ng sống với anh N cháu vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Ng cho anh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị T không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.5] Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các bên đương sự không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Minh T ly hôn với anh Lê Việt N

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Bảo Ng, sinh ngày 05/10/2016 cho anh Lê Việt N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Trần Minh T được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nghĩa vụ cấp dưỡng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết.

4. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Minh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Tiền án phí của chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001427 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như chị T nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mỹ Hạnh

Trần Thị Lệ **Nguyễn Văn Tân**

Ngô Thị Mỹ Hạnh